

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/HS-PT

Ngày: 27-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sinh

Ông Ung Quang Định

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Khánh Nhi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Tạ Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 168/2025/TLPT-HS ngày 30 tháng 10 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Văn T và Đàm Thị L do có kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T và Đàm Thị L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 21/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn T, sinh ngày 15/7/1990 tại tỉnh Nam Định (Nay là tỉnh Ninh Bình); Số căn cước công dân: 036090019604; Nơi ĐKKHKT: Làng Lang, xã I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn X, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966; vợ: Đàm Thị L, sinh năm 1992, con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 23/01/2025 được thay thế biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Đàm Thị L, sinh ngày 20/6/1992 tại tỉnh Nam Định (Nay là tỉnh Ninh Bình); Số căn cước công dân: 036192013804; Nơi ĐKKHKT: Làng Lang, xã I, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đàm Văn L1, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962; Chồng: Phạm Văn T, sinh

năm 1990, con: Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L:

1. Bà Hứa Thị Trung N1 - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh G (Có mặt).

2. Bà Hoàng Thị Như N2 - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư tỉnh G (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: A L, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai (Nay là A L, phường D, tỉnh Gia Lai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì có mối quan hệ quen biết nhau nên vào cuối năm 2023, ông Ksor G đã nhờ Phạm Văn T giúp đính chính thông tin trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AQ 044017 của thửa đất số 5, tờ bản đồ 119, địa chỉ thửa đất thuộc làng L, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai do vợ chồng ông Ksor G đứng tên. Phạm Văn T đã lấy bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AQ 044017 của ông Ksor G để đi đính chính thông tin nhưng chưa được.

Phạm Văn T đã chụp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên của ông G và lưu trữ trong máy điện thoại di động của mình để đi hỏi thủ tục đính chính thông tin thuận lợi. Khoảng đầu tháng 6/2024, Đàm Thị L (vợ của Phạm Văn T) nói với T về việc gia đình ở ngoài quê cần tiền để chữa bệnh thận cho em trai là Đàm Văn Đ. T đã liên lạc với bà Nguyễn Thị M để vay tiền thì bà M nói muốn vay tiền thì phải có tài sản thế chấp. Do đó, Phạm Văn T đã nảy sinh ý định làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất từ thông tin tại hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc) của ông Ksor G. Phạm Văn T sử dụng trang mạng xã hội facebook và tìm thấy một tài khoản có tên "Làm giấy tờ uy tín" có nhận làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất online nên T đã nhắn tin cho tài khoản này.

Qua liên hệ, T đã gửi hình ảnh bản gốc của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Ksor G kèm theo thông tin cá nhân của Phạm Văn T và Đàm Thị L cho tài khoản facebook để làm một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả mang tên Phạm Văn T và Đàm Thị L. Sau khi đã thỏa thuận xong và cung cấp địa chỉ giao hàng của T, thông qua đường chuyển phát nhanh thì T gặp một người vận chuyển hàng S (không rõ nhân thân, lai lịch) đã

giao cho T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CK 387425 thể hiện thông tin thửa đất số 5, tờ bản đồ 119, địa chỉ thửa đất thuộc làng L, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai đứng tên Phạm Văn T và Đàm Thị L. Sau đó, T đưa cho người vận chuyển này số tiền là 12.000.000 đồng và cất giấu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nói trên vào thùng quần áo trong nhà. Cuối tháng 6/2024 Đàm Thị L phát hiện có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 387425 ở trong nhà nên có hỏi Phạm Văn T thì T nói đặt làm trên mạng, rồi cả hai không nói gì thêm về lý do, mục đích đặt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến đầu tháng 7/2024, gia đình của L tiếp tục cần tiền để giải quyết công việc nên L bàn bạc với T đi vay mượn tiền. Ngày 09/7/2024, T điện thoại cho bà Nguyễn Thị M để vay tiền thì bà M đồng ý nhưng phải có thế chấp tài sản. Sau đó T nói với L đi xuống nhà bà M để vay tiền và cho L xem 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CK 387425, T nói với L đó là giấy giả nhưng L vẫn đồng ý dùng để thế chấp vay tiền. Phạm Văn T cùng Đàm Thị L đi đến nhà bà Nguyễn Thị M tại thôn E, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai để vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và các bên thống nhất đến tháng 3/2025 trả hết tiền gốc. Tại đây, T đã đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả số CK 387425 của thửa đất số 5, tờ bản đồ 119, địa chỉ thửa đất thuộc làng L, xã I, huyện I, tỉnh Gia Lai đứng tên Phạm Văn T cùng với Đàm Thị L cho bà M. Khi vay tiền thì L và T nói mục đích vay là để chữa bệnh cho người nhà ngoài quê và cùng ký tên vào giấy vay tiền. Đàm Thị L đã viết vào giấy vay mượn tiền với nội dung "*Tôi có cam cho ông bà M1ai 1 bìa đồ thửa đất số 5 tờ bản đồ 119 tại Làng L xã I Nếu đến ngày hẹn tôi không có tiền trả đủ thì tôi xin sang lại mảnh rẫy lại cho ông bà M1 - M*", T và L đã ký vào giấy vay tiền. Bà Nguyễn Thị Mai S1 khi giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên và chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Phạm Văn T số tiền là 50.000.000 đồng. Bà M có hỏi T vị trí thửa đất ở đâu nhưng bị cáo T nói vị trí thửa đất ở xa và T đang nhặt điều.

Sau khi nhận được tiền thì T và L sử dụng 12.000.000 đồng để buôn bán, gửi 38.000.000 đồng cho bà Nguyễn Thị N (mẹ của Phạm Văn T) để đưa cho bố, mẹ của L ở quê điều trị bệnh cho em trai của L, nhưng do bà N ở nhà của T và L chơi trong thời gian 1 tháng nên khi bà N về quê chưa kịp đưa tiền cho bố mẹ của L được. Sau khi làm việc với Cơ quan Cảnh sát điều tra thì L đã gọi điện nói bà N chuyển lại số tiền 38.000.000 đồng, mục đích là để L và T trả lại cho bà M.

Ngoài ra, Phạm Văn T có quen biết với Ksor N3 (là con trai của ông Ksor G). Do N3 bị tai nạn giao thông, cần tiền khám chữa bệnh nên N3 đã đến vay của T 45.000.000 đồng. T không có tiền nên đã nói với N3 có thể đi vay hộ cho N3. Vào ngày 21/7/2024, Phạm Văn T và Đàm Thị L đã vay 45.000.000 đồng

của bà Nguyễn Thị M, khi vay tiền thì các bên có viết giấy vay, T và L không đề cập đến việc sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả để tạo sự tin tưởng cho bà M và M cũng xác nhận đối với lần vay tiền này, bà M tự nguyện cho vay nên không bị lừa dối. Sau khi vay được tiền thì T đã đưa cho N3 45.000.000 đồng để khám chữa bệnh. Trong thời gian vay thì T và L có trả lãi 03 tháng đầu cho bà M để tạo niềm tin.

Bà Nguyễn Thị Mai S1 khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của T và L thì đã đi đến Văn phòng Đ2 chi nhánh huyện I, tỉnh Gia Lai để xác minh thông tin chủ sở hữu hợp pháp thì phát hiện chủ sở hữu hợp pháp của thửa đất số 5, tờ bản đồ số 119 tại làng L, xã L, huyện I đứng tên người khác chứ không phải tên Phạm Văn T và Đàm Thị L. Ngày 27/9/2024, Văn phòng Đ2 - Chi nhánh H đã chuyển toàn bộ hồ sơ và tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện I để điều tra.

Tại bản kết luận giám định số 1005/KL-KTHS ngày 08/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh G kết luận: "GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT", số CK 387425 mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả.

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ: 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK387425 mang tên anh Phạm Văn T, Đàm Thị L; 02 bản gốc giấy vay tiền trả bằng cà phê + Điều (lưu tại hồ sơ vụ án).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T và bị cáo Đàm Thị L phạm tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" và tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 26 tháng tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 14 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 40 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 23/01/2025.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Thị L 24 tháng tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đàm Thị L 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt,

buộc bị cáo Đàm Thị L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 30 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

Ngày 29/9/2025 bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L. Sửa bản án hình sự sơ thẩm. Đối với bị cáo Phạm Văn T: Giảm hình phạt tù từ 05 đến 06 tháng tù; xử phạt bị cáo từ 08 đến 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; giảm hình phạt tù từ 06 đến 09 tháng tù; xử phạt bị cáo 17 đến 20 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Đối với bị cáo Đàm Thị L: Giảm hình phạt tù từ 06 đến 09 tháng tù; xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Giữ y hình phạt 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Luật sư Hứa Thị Trung N1 bào chữa cho hai bị cáo Phạm Văn T và Đàm Thị L: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai đã áp dụng cho các bị cáo, tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm các bị cáo còn xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là đơn xác nhận của Đoàn biên phòng I1 - Gia Lai về nguồn tin tội phạm do vợ chồng bị cáo cung cấp. Trên cơ sở nguồn tin này, Ngày 27/10/2025 Đoàn Biên phòng I1 đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xảy ra tại Làng B, xã I, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/10/2025 nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết mới “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, có ông ngoại có công cách mạng. Hiện gia đình bị cáo rất khó khăn, có con bị bệnh tật nên đề nghị hội đồng xét xử cân nhắc giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L đều khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau: Với mục đích muốn vay tiền của bà Nguyễn Thị M, Phạm Văn T đã lên mạng xã hội đặt làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 05, tờ bản đồ số 119 tại Làng L, xã I, huyện I. Bị cáo lấy thông tin và hình ảnh thửa đất của ông Ksor G gửi cho

đối tượng làm giả để vợ chồng bị cáo Phạm Văn T và Đàm Thị L được đứng tên trên thửa đất hiện thuộc quyền sở hữu của ông Ksor G. Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất giả, cả hai bàn bạc đem thế chấp cho bà M để vay 50.000.000 đồng rồi chiếm đoạt. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai đã kết án bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự, là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Phạm Văn T 14 tháng tù; bị cáo Đàm Thị L 06 tháng tù là dưới mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, các bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo T 26 tháng tù, là gần đầu khung hình phạt, xử phạt bị cáo L 24 tháng tù, mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự là phù hợp với quy định pháp luật và đã có sự xem xét, phân hoá vai trò vị trí của các bị cáo trong vụ án. Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới là đơn xác nhận của Đoàn biên phòng I1 - Gia Lai về nguồn tin tội phạm đối với đối tượng Puih Đ1 về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy do vợ chồng bị cáo cung cấp. Trên cơ sở nguồn tin này, Đoàn Biên phòng I1 đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án “Tàng trữ trái phép chất ma túy” xảy ra tại Làng B, xã I, tỉnh Gia Lai vào ngày 23/10/2025 nên các bị cáo được hội đồng xét xử phúc thẩm cho hưởng thêm tình tiết mới “Người phạm tội đã lập công chuộc tội” quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, số tiền chiếm đoạt không lớn đã khắc phục toàn bộ cho bị hại, hoàn gia đình khó khăn, người phạm tội lập công để chuộc tội, giúp cơ quan chức năng phát hiện, truy bắt tội phạm mới. Nên hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho các bị cáo đối với tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[3] Về án phí HSPT: Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các phần quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai: Chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm. Giảm hình phạt tù đối với bị cáo Phạm Văn T cho cả hai tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Giảm hình phạt tù cho bị cáo Đàm Thị L về “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, là phù hợp với một phần nhận định của hội đồng xét xử.

[6] Luật sư Hứa Thị Trung N1 đưa ra luận cứ bào chữa cho các bị cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là phù hợp với một phần nhận định của hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2025/HS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Gia Lai.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, u (điểm b đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T 20 (Hai mươi) tháng tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". 14 (Mười bốn) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 34 (Ba mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 09/12/2024 đến ngày 23/01/2025.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s, u (điểm b đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 54; Điều 55 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đàm Thị L 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức". 06 (Sáu) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Đàm Thị L phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

3. Về án phí HSPT: Theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Phạm Văn T, Đàm Thị L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TA, VKS khu vực 9 – Gia Lai;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 9 – Gia Lai;
- Cơ quan HSNV Công an tỉnh Gia Lai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Xuân